TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 11 – 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hữu Bằng
2. Bà Trương Thị Diện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà:*** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L – sinh năm 1959 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Bình Định

-Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Đình I – sinh năm 1973 (có mặt)
Bà Huỳnh Thị E – sinh năm 1978 (vắng mặt lần hai không lý do).
Cùng địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện N, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Vào năm 2015, vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E có mượn của bà L số tiền là 530.000.000 *(Năm trăm ba mươi triệu)* đồng. Vợ chồng ông I bà E đã trả cho bà L được 100.000.000 đồng. Bà L đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông I bà E vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho bà L.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông I bà E trả cho bà số tiền còn nợ là 430.000.000 *(Bốn trăm ba mươi triệu)* đồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị L tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E trả lãi.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bị đơn, ông Phan Đình I trình bày: Vợ chồng ông có mượn của bà L số tiền 530.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả được cho bà L 100.000.000 đồng, còn nợ 430.000.000 đồng.

Vì đây là nợ chung của hai vợ chồng nên ông không đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ 430.000.000 đồng, yêu cầu cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả

tiền nợ cho bà L.

+ Bị đơn, bà Huỳnh Thị E trình bày: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp E nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, buộc vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E trả cho bà L số tiền là 430.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông I bà E nộp sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn, vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E hiện đang cư trú trên địa bàn huyện N tỉnh Bình Định. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Huỳnh Thị L có mặt, bị đơn ông Phan Đình I có mặt. Đối với việc vắng mặt của bà Huỳnh Thị E: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp E nhiều lần nhưng bà E vẫn vắng mặt tại các buổi xét xử. Việc vắng mặt này của bà E là cố ý. Do đó, bà E phải chịu trách nhiệm về việc vắng mặt, không khai báo của mình theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự còn lại.

[2] Về nội dung: Vào năm 2015, vợ chồng ông I bà E có viết giấy mượn tiền để mượn của bà L số tiền là 530.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền không thể hiện thời gian trả nợ, không thể hiện lãi suất và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu vợ chồng ông I bà E trả lãi. Theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Việc yêu cầu trả nợ của bà L là phù hợp với quy định pháp luật.

Việc vợ chồng ông I bà E vay tiền của bà L đã được ông I xác nhận. Như vậy, việc vay tiền giữa hai bên là có thật. Bà L và ông I đều xác định rằng vợ chồng ông I bà E đã trả cho bà L 100.000.000 đồng, hiện còn nợ 430.000.000 đồng. Như vậy, số tiền vợ chồng ông I bà E còn phải trả cho bà L 430.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị L buộc vợ chồng ông I bà E trả cho bà 430.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị L tự nguyện không yêu cầu vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E trả lãi nên ghi nhận sự tự nguyện của bà L.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của bà L được chấp nhận nên vợ chồng ông I bà E phải chịu số tiền án phí là: 20.000.000 đồng + (4%x30.000.000 đồng) = 21.200.000 đồng.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận,

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và E phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, buộc vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền còn nợ là 430.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị L không yêu cầu lãi suất.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Phan Đình I bà Huỳnh Thị E chịu 21.200.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị L 12.600.000 *(Mười hai triệu sáu trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005346 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự vắng mặt cư trú để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Minh Thành